

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5 – AN GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 255/2025/DS-ST
Ngày: 17 - 10 - 2025
V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 – AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Nhiên

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hà Bửu Khánh

Bà Nguyễn Thị Cẩm Bình

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 – An Giang

- Thuộc trường hợp đại diện Viện kiểm sát không tham gia phiên tòa.

Ngày 17 tháng 10 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 – An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 34/2025/TLST-DS ngày 10 tháng 02 năm 2025 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 233/2025/QĐXXST-DS, ngày 22 tháng 9 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

Bà Võ Thị U, sinh năm 1983 và ông Châu Quốc T, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Ấp VS, xã HT, huyện GR, tỉnh KG(nay là ấp VS, xã HT, tỉnh AG).

- Bị đơn:

1. Ông Trần Văn O, sinh năm 1980;

2. Bà Phan Thị Mỹ G, sinh năm 1983;

3. Anh Trần Văn O1, sinh năm 2003.

Địa chỉ: Ấp VS, xã HT, huyện GR, tỉnh KG(nay ấp VS, xã HT, tỉnh AG).

(Ông T, bà U có đơn xin vắng mặt; ông O, bà G, anh O1 vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ông Châu Quốc T bà Võ Thị U nguyên đơn trình bày: Vào ngày 08 tháng 10 năm 2022 (âm lịch) vợ chồng ông Trần Văn O, bà Phan Thị Mỹ G cùng cO trai Trần Văn O1 có vay của ông bà số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng), thỏa thuận lãi suất 1.000.000 đồng bằng 30.000 đồng/tháng. Khi vay và nhận tiền có viết giấy nợ đề ngày 08/10/2022 âm lịch ông O bà G, cháu O1 đều có ký tên. Sau khi vay vợ chồng ông O, bà G và cO trai đã đóng lãi đầy đủ đến tháng 4/2024 và trả được 25.000.000 đồng nợ gốc, còn nợ 75.000.000 đồng thì ngưng không trả lãi cũng như nợ gốc mặc dù ông bà đã nhiều lần đến đòi. Nay ông bà xét thấy vợ chồng ông O, bà G và cháu O1 không có thiện chí trả nợ cho ông bà

nên ông bà khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông O, bà G cùng cháu O1 liên đới trả số tiền nợ gốc còn lại là 75.000.000 đồng ông bà không T lãi.

Bị đơn ông Trần Văn O, Phan Thị Mỹ G, Trần Văn O1 vắng mặt không có lý do bất khả kháng tại các buổi làm việc, hoà giải tại Toà án. Đồng thời cũng không có ý kiến bằng văn bản phản hồi đối với yêu cầu của nguyên đơn gửi cho Toà án nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của của bị đơn.

Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn vắng mặt không lý do mặc dù đã được Toà án tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập tham gia phiên toà hợp lệ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trOg hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Châu Quốc T bà Võ Thị U yêu cầu ông Trần Văn O, bà Phan Thị Mỹ G, anh Trần Văn O1 phải trả số tiền vay còn lại là 75.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xác định là quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về tố tụng: Bị đơn ông Trần Văn O, bà Phan Thị Mỹ G, anh Trần văn O1 có địa chỉ nơi cư trú tại ấp VS, xã HT, tỉnh AG. Căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự, ông T, bà U khởi kiện tại Toà án nhân dân khu vực 5 – An Giang là phù hợp với quy định. Nguyên đơn ông T, bà U có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn ông O, bà G, anh O1 đã được Toà án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên toà nhưng ông O, bà G, anh O1 vắng mặt không vì lý do bất khả kháng nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của ông T, bà U yêu cầu ông O, bà G, anh O1 liên đới trả số tiền vay còn nợ là 75.000.000 đồng, không yêu cầu T lãi suất. Nguyên đơn chứng minh cho yêu cầu của mình thông qua tờ “Biên nhận mượn tiền” đề ngày 08/10/2022 âm lịch được ông Trần Văn O, Phan Thị Mỹ G, Trần Văn O1 ký tên. Đối với bị đơn vắng mặt suốt trOg quá trình tố tụng và cũng không có ý kiến

phản hồi đối với yêu cầu của nguyên đơn, nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để xem xét. Theo quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc. Như vậy ông O, bà G, anh O1 đã tước bỏ quyền chứng minh của mình thông qua việc không đến Tòa án tham gia tố tụng để đưa ra chứng cứ chứng minh cho mình, nên ông O, bà G, anh O1 phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật này. Qua yêu cầu của nguyên đơn Hội đồng xét xử xét thấy, tại Biên nhận mượn tiền vợ chồng ông O, bà G, anh O1 đã có ký tên xác nhận. Hiện tại nguyên đơn xác định ông O, bà G, anh O1 đã trả được 25.000.000 đồng nợ gốc chỉ còn nợ 75.000.000 đồng. Từ đó, cho thấy ông O, bà G, anh O1 đã có vay tiền như nguyên đơn trình bày là đúng. Theo quy định khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: *“Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.”*. Ông O, bà G, anh O1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ông T, bà U khởi kiện yêu cầu phải trả lại số tiền còn nợ là có căn cứ, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Về lãi suất ông T, bà U không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí:

Áp dụng Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Yêu cầu của ông Châu Quốc T, bà Võ Thị U được Tòa án chấp nhận nên ông T, bà U không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Ông T, bà U được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.875.000 đồng (Một triệu tám trăm bảy mươi năm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0009193 ngày 10/02/2025 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 5 – An Giang).

Ông Trần Văn O, bà Phan Thị Mỹ G, anh Trần Văn O1 phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm giá ngạch là: 75.000.000 đồng x 5% = 3.750.000 đồng (ba triệu bảy trăm năm chục nghìn đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 207; Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 269; Điều 271 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Điều 288, Điều 463, khoản 1 Điều 466; khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015; Điều 27 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Châu Quốc T, bà Võ Thị U đối với ông Trần Văn O, bà Phan Thị Mỹ G, anh Trần Văn O1. Buộc ông Trần Văn O, bà Phan Thị Mỹ G, anh Trần Văn O1 phải liên đới trả số tiền vay gốc còn nợ là 75.000.000 đồng (Bảy mươi năm triệu đồng). Ông T, bà U không yêu cầu T lãi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Án phí:

Ông Châu Quốc T, bà Võ Thị U không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.875.000 đồng (Một triệu tám trăm bảy mươi năm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0009193 ngày 10/02/2025 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 5 – An Giang).

Ông Trần Văn O, bà Phan Thị Mỹ G, anh Trần Văn O1 phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm giá ngạch là 3.750.000 đồng (ba triệu bảy trăm năm chục nghìn đồng).

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị:

Ông Châu Quốc T, bà Võ Thị U, ông Trần Văn O, bà Phan Thị Mỹ G, anh Trần Văn O1 vắng mặt có quyền kháng cáo trOg thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc Toà án niêm yết bản án hợp lệ.

Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND KV 5-AG;
- THADS tỉnh An Giang;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Mỹ Nhiên